

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1705 /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Phương án Điều tra vốn đầu tư thực hiện

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định ban hành phương án điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1345/QĐ-BKHĐT ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Điều tra vốn đầu tư thực hiện. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2. Giao Tổng cục Thống kê xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết; thiết kế mẫu và phiếu điều tra; xây dựng các loại danh mục sản phẩm điều tra, phương pháp tổng hợp; chỉ đạo tổ chức và hướng dẫn thực hiện cuộc điều tra theo đúng quy định của Phương án điều tra.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để phối hợp);
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT, TCTK_(10b). *kt3*

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ**



Nguyễn Thị Hương

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số **005**/QĐ-BKHĐT ngày **05** tháng **8** năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Thu thập thông tin phản ánh tình hình vốn đầu tư thực hiện hằng quý, năm của doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ dân cư, xã/phường/thị trấn, đơn vị sự nghiệp, Sở Tài chính, Bộ, ngành trung ương làm cơ sở tính chỉ tiêu vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, phục vụ cơ quan Nhà nước các cấp đánh giá tình hình thực hiện đầu tư, đánh giá tác động của vốn đầu tư đến tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước.

2. Yêu cầu điều tra

Điều tra vốn đầu tư thực hiện phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Thực hiện đúng các nội dung quy định trong Phương án điều tra. Phạm vi, nội dung điều tra phải đầy đủ, thống nhất và không trùng chéo với các điều tra khác.
- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.
- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra vốn đầu tư thực hiện được triển khai trên phạm vi cả nước, gồm 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Điều tra tất cả các ngành kinh tế từ ngành A đến ngành U theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018.

2. Đối tượng, đơn vị điều tra

a. Điều tra quý

- Doanh nghiệp, hợp tác xã đang trong quá trình đầu tư chuẩn bị cho sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Trang trại được xác định theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định

tiêu chí kinh tế trang trại có thực hiện đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh và cho đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở;

- Hộ dân cư đầu tư cho sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở.

b. Điều tra năm

- Trang trại được xác định theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định tiêu chí kinh tế trang trại có thực hiện đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh và cho đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở;

- Hộ dân cư đầu tư cho sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở;

- Đơn vị sự nghiệp ngành giáo dục và đào tạo, ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội (sau đây viết gọn là đơn vị sự nghiệp thuộc ngành giáo dục và y tế);

- Xã/phường/thị trấn quản lý xây dựng các dự án, công trình mang tính xã hội hóa sử dụng vốn của các tổ chức, cá nhân đóng góp;

- Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Sở Tài chính); đơn vị phụ trách công tác thống kê, tài chính thuộc Bộ, ngành trung ương (sau đây viết gọn là Bộ, ngành trung ương).

III. LOẠI ĐIỀU TRA

- Cuộc điều tra thu thập thông tin vốn đầu tư thực hiện là cuộc điều tra thực hiện điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.

- Điều tra toàn bộ: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn quản lý xây dựng các công trình mang tính xã hội hóa sử dụng vốn của các tổ chức, cá nhân đóng góp là chủ yếu; Sở Tài chính; Bộ, ngành trung ương.

- Điều tra chọn mẫu: Doanh nghiệp/Hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp); đơn vị sự nghiệp thuộc ngành giáo dục và y tế; trang trại; hộ dân cư.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Các chỉ tiêu thu thập theo thời điểm điều tra được quy định cụ thể trong từng phiếu điều tra.

2. Thời kỳ thu thập thông tin

• Điều tra quý

Số liệu thu thập là số thực hiện của quý trước quý báo cáo và ước tính quý báo cáo.

• Điều tra năm

Số liệu thu thập là số thực hiện năm trước.

3. Thời gian điều tra

- *Lập bảng kê*

Bảng kê địa bàn; bảng kê hộ dân cư thuộc địa bàn điều tra vốn đầu tư thực hiện; bảng kê trang trại; bảng kê đơn vị sự nghiệp thuộc ngành giáo dục và y tế; bảng kê doanh nghiệp: Từ ngày 01 đến ngày 25/01 hằng năm.

- *Điều tra quý*

- Hộ dân cư, trang trại:

- + Quý I: Từ ngày 25/02 đến ngày 15/3 hằng năm.

- + Quý II: Từ ngày 25/4 đến ngày 15/6 hằng năm.

- + Quý III: Từ ngày 25/8 đến ngày 15/9 hằng năm.

- + Quý IV: Từ ngày 25/10 đến ngày 15/11 hằng năm.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã thu thập từ ngày 25 tháng giữa quý đến ngày 18 tháng cuối quý.

- *Điều tra năm*

- Trang trại, hộ dân cư, đơn vị sự nghiệp, xã/phường/thị trấn: Từ ngày 01/02 đến ngày 31/3 hằng năm;

- Sở Tài chính: Từ ngày 01/4 đến ngày 29/4 hằng năm;

- Bộ, ngành trung ương: Từ ngày 01/8 đến ngày 20/9 hằng năm.

4. Phương pháp điều tra

Điều tra vốn đầu tư thực hiện tiến hành thu thập thông tin theo phương pháp gián tiếp kết hợp thu thập thông tin theo phương pháp trực tiếp.

- Thu thập thông tin gián tiếp: Áp dụng đối với doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp; xã/phường/thị trấn; Sở Tài chính; Bộ, ngành trung ương. Đơn vị thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử điều tra của Tổng cục Thống kê.

- Thu thập thông tin trực tiếp: Áp dụng đối với hộ dân cư, trang trại. Điều tra viên (ĐTV) đến từng hộ gặp người cung cấp thông tin (chủ hộ, chủ trang trại) để phỏng vấn, kết hợp quan sát đối tượng điều tra để ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử được thiết kế trên thiết bị điện tử di động (phiếu CAPI).

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

a. Thông tin chung

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã: Tên, địa chỉ, mã số thuế, ngành hoạt động chính, loại hình kinh tế;

- Đối với trang trại, hộ dân cư: Họ và tên chủ trang trại/chủ hộ, địa chỉ, tên địa bàn điều tra, ngành thực hiện đầu tư;

- Đối với xã/phường; đơn vị sự nghiệp; Sở Tài chính; Bộ, ngành trung ương; Tên đơn vị, địa chỉ.

b. Thông tin kết quả vốn đầu tư thực hiện

- Vốn đầu tư thực hiện chia theo các nguồn vốn: Vốn ngân sách Nhà nước; vốn tín dụng đầu tư phát triển; vốn vay; vốn tự có; vốn huy động từ các nguồn khác;

- Vốn đầu tư thực hiện chia theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản; vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định; vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động dưới dạng hiện vật bằng nguồn vốn tự có; vốn đầu tư khác;

- Vốn đầu tư thực hiện chia theo mục đích đầu tư: Chia theo các ngành kinh tế của Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018;

- Vốn đầu tư chia theo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Bảng kê và phiếu điều tra

a. Bảng kê

- Bảng kê số 01/BKĐB: Danh sách địa bàn điều tra vốn đầu tư thực hiện;

- Bảng kê số 02/BKH: Danh sách hộ dân cư thuộc địa bàn điều tra vốn đầu tư thực hiện;

- Bảng kê số 03/BKTT: Danh sách trang trại điều tra vốn đầu tư thực hiện;

- Bảng kê 04/BKDN: Danh sách doanh nghiệp điều tra vốn đầu tư thực hiện quý;

- Bảng kê số 05/BKSN: Danh sách đơn vị sự nghiệp thuộc ngành giáo dục và y tế điều tra vốn đầu tư thực hiện năm.

b. Phiếu điều tra

****Phiếu điều tra quý***

- Phiếu số 01/VĐTH-Q: Phiếu thu thập thông tin vốn đầu tư thực hiện của hộ dân cư (*Áp dụng đối với hộ dân cư có đầu tư cho sản xuất kinh doanh và xây dựng, sửa chữa nhà ở*);

- Phiếu số 02/VĐTTT-Q: Phiếu thu thập thông tin vốn đầu tư thực hiện của trang trại (*Áp dụng đối với các trang trại có đầu tư cho sản xuất kinh doanh và xây dựng, sửa chữa nhà ở*);

- Phiếu số 03/VĐTDN-Q: Phiếu thu thập thông tin vốn đầu tư thực hiện của doanh nghiệp (*Áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã*).

****Phiếu điều tra năm***

- Phiếu số 01/VĐTH-N: Phiếu thu thập thông tin vốn đầu tư thực hiện của hộ dân cư (*Áp dụng đối với hộ dân cư có đầu tư cho sản xuất kinh doanh và xây dựng, sửa chữa nhà ở*);

- Phiếu số 02/VĐTTT-N: Phiếu thu thập thông tin vốn đầu tư thực hiện của trang trại (*Áp dụng đối với các trang trại có đầu tư cho sản xuất kinh doanh và xây dựng, sửa chữa nhà ở*);

- Phiếu số 03/VĐTSN-N: Phiếu thu thập thông tin vốn đầu tư thực hiện của đơn vị sự nghiệp thuộc ngành giáo dục và y tế (*Áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập có đầu tư từ nguồn vốn tự có, vốn liên doanh, liên kết là chủ yếu và đơn vị sự nghiệp ngoài công lập*);

- Phiếu số 04/VĐTXP-N: Phiếu thu thập thông tin về vốn đầu tư thực hiện của xã/phường/thị trấn (*Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn quản lý xây dựng các công trình mang tính xã hội hóa sử dụng vốn của các tổ chức, cá nhân đóng góp*);

- Phiếu số 05/VĐTSTC-N: Phiếu thu thập thông tin của Sở Tài chính (*Áp dụng đối với Sở Tài chính tổng hợp chi mua sắm, sửa chữa tài sản từ nguồn kinh phí thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*);

- Phiếu số 06/VĐTB-N: Phiếu thu thập thông tin của Bộ, ngành trung ương (*Áp dụng đối với Bộ, ngành trung ương tổng hợp chi mua sắm, sửa chữa tài sản từ nguồn kinh phí thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc Bộ, ngành*).

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Điều tra vốn đầu tư thực hiện sử dụng các bảng phân loại thống kê sau:

1. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ (VSIC 2018);

2. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

3. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra;

4. Danh mục Bộ, ngành trung ương ban hành kèm theo phương án điều tra.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

- Thông tin trên phiếu điều tra điện tử được truyền về và lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê ngay sau khi việc thu thập thông tin được hoàn thành ở từng đơn vị điều tra. Dữ liệu được kiểm tra, duyệt và nghiệm thu bởi giám sát viên (GSV) các cấp (cấp huyện, cấp tỉnh, cấp trung ương).

- Kết quả điều tra được xử lý, suy rộng, tổng hợp cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Biểu đầu tra của điều tra

Kết quả điều tra vốn đầu tư thực hiện được tổng hợp phục vụ biên soạn báo

cáo quý, năm theo hệ thống biểu do Tổng cục Thống kê thiết kế, bảo đảm tổng hợp các chỉ tiêu thống kê theo nội dung điều tra quy định tại Mục V trong Phương án này.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Điều tra vốn đầu tư thực hiện được thực hiện theo kế hoạch thời gian sau:

	Nội dung	Thời gian
1	Xây dựng Phương án điều tra	Tháng 6-7/2024
2	Thiết kế và hoàn thiện phiếu điều tra	Tháng 6-7/2024
3	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra	Tháng 8/2024
4	Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra	Tháng 8-10/2024
5	Xây dựng các phần mềm phục vụ điều tra thu thập thông tin; kiểm tra, xử lý, làm sạch số liệu; tổng hợp kết quả đầu ra	Tháng 10-12/2024
6	Lập dàn chọn mẫu	Tháng 12 hằng năm (doanh nghiệp) Tháng 12/2024 (các dàn chọn mẫu còn lại)
7	Chọn mẫu	Tháng 12 hằng năm
8	Rà soát, hoàn thiện danh sách đơn vị điều tra	Tháng 01 hằng năm
9	In tài liệu	Tháng 01/2025
10	Tuyển chọn ĐTV, GSV, quản trị hệ thống	Tháng 01 hằng năm
11	Tập huấn cấp trung ương và cấp tỉnh (nếu có)	Tháng 01 năm điều tra
12	Thu thập thông tin	
	Kỳ quý	
	- Quý I	Ngày 25/02 - 18/3 hằng năm
	- Quý II	Ngày 25/4 - 18/6 hằng năm
	- Quý III	Ngày 25/8 - 18/9 hằng năm
	- Quý IV	Ngày 25/10 - 18/12 hằng năm
	Kỳ năm	
	- Trang trại, hộ dân cư, đơn vị sự nghiệp, xã/phường/thị trấn	Tháng 02 - 3 hằng năm
	- Sở Tài chính	Tháng 4 hằng năm
	- Bộ, ngành trung ương	Tháng 8 - 9 hằng năm

	Nội dung	Thời gian
13	Kiểm tra, làm sạch dữ liệu, tổng hợp và biên soạn báo cáo	
	1. Cấp tỉnh	
	Kỳ quý	Ngày 01 - 22 tháng cuối quý
	Kỳ năm	Tháng 4 - 10 hằng năm
	2. Cấp trung ương	
	Kỳ quý	Ngày 23 - 30 tháng cuối quý
	Kỳ năm	Tháng 5 - 12 hằng năm

IX. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA

1. Công tác chuẩn bị

a. Chọn mẫu, cập nhật danh sách mẫu điều tra

Tổng cục Thống kê chọn mẫu các đơn vị điều tra và hướng dẫn Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Cục Thống kê cấp tỉnh) thực hiện rà soát, cập nhật và thay thế mẫu tại địa phương.

b. Tuyển chọn GSV và ĐTV thống kê

- Tuyển chọn ĐTV phải phù hợp cho công việc: Điều tra số lượng và điều tra kết quả SXKD. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương về địa bàn, số lượng cơ sở cần điều tra, mức kinh phí đã phân bổ, định mức, ngày công, thời gian thực hiện công việc để tuyển chọn số lượng ĐTV cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. ĐTV có trách nhiệm:

- + Tham dự đầy đủ và nghiêm túc lớp tập huấn dành cho ĐTV;
- + Liên hệ với đơn vị cung cấp thông tin để cung cấp tài khoản (tên đăng nhập, mật khẩu) và hướng dẫn đăng nhập vào trang Web thu thập thông tin (đối với điều tra gián tiếp trên web);
- + Trực tiếp đến các đơn vị cung cấp thông tin được phân công để thu thập thông tin và điền trực tiếp vào phiếu khảo sát điện tử (đối với phiếu điều tra CAPI).
- + Báo cáo cho GSV phụ trách những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thu thập thông tin nằm ngoài quy định của phương án điều tra;
- + Định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả công việc được phân công.

- GSV là lực lượng thực hiện công việc giám sát hoạt động của các ĐTV và hỗ trợ chuyên môn cho GSV cấp dưới (nếu có) và các ĐTV trong quá trình điều tra thực địa. GSV có 03 cấp: Cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện. GSV có trách nhiệm:

- + Kiểm tra tiến độ thực hiện điều tra hằng ngày của ĐTV;

+ Kiểm tra thông tin trên phiếu điều tra để thông báo cho ĐTV những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh lại;

+ Thông báo cho ĐTV những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý hoặc trả lời những câu hỏi của ĐTV liên quan đến nghiệp vụ;

+ Trao đổi với GSV cấp trên về những vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong quá trình điều tra.

c. Tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm

Công tác tập huấn được thực hiện ở 02 cấp: Cấp trung ương và cấp tỉnh.

Cấp trung ương: Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm. Hội nghị tập huấn nghiệp vụ, thời gian: 01 ngày; hội nghị tập huấn hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm, thời gian: 01 ngày.

Thành phần tham dự tập huấn gồm: GSV cấp trung ương; giảng viên và GSV cấp tỉnh.

Cấp tỉnh: Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm. Hội nghị tập huấn nghiệp vụ, thời gian: 02 ngày; hội nghị tập huấn hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm, thời gian: 01 ngày.

Thành phần tham dự tập huấn gồm: ĐTV; GSV cấp tỉnh và GSV cấp huyện.

d. Tài liệu điều tra

Tài liệu điều tra bao gồm các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và sử dụng phần mềm do Tổng cục Thống kê biên soạn. Cục Thống kê chủ động in và phân phối theo khối lượng thực tế của đơn vị.

đ. Chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm sử dụng trong điều tra bao gồm: Chương trình chọn mẫu đơn vị điều tra, chương trình thu thập thông tin trên Webform, chương trình thu thập thông tin trên máy tính bảng và điện thoại thông minh, chương trình quản lý giám sát, kiểm tra và duyệt phiếu điều tra điện tử, chương trình tổng hợp kết quả điều tra do Tổng cục Thống kê xây dựng.

2. Công tác thu thập thông tin

Tổng cục Thống kê chỉ đạo thực hiện công tác thu thập thông tin bảo đảm tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra.

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: Kiểm tra, giám sát việc tổ chức các lớp tập huấn, thu thập thông tin của đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do đơn vị cung cấp,...

Hình thức kiểm tra, giám sát: Kiểm tra, giám sát trực tuyến trên Trang Web

điều hành tác nghiệp; kiểm tra, giám sát trực tiếp công tác tập huấn và thu thập thông tin.

Để đảm bảo chất lượng thông tin thu thập, công tác kiểm tra giám sát chất lượng phiếu điều tra được thực hiện ngay trong quá trình thu thập thông tin, GSV thường xuyên kiểm tra dữ liệu trên chương trình phần mềm và thông báo đề nghị đơn vị, ĐTV xác minh hoàn thiện phiếu điều tra.

a. Đối với GSV cấp huyện

- Kiểm tra tiến độ thực hiện điều tra hằng ngày của ĐTV được phân công phụ trách;

- Kiểm tra chất lượng thông tin, thông báo cho ĐTV những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh để hoàn thành phiếu;

- Thông báo cho ĐTV những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý hoặc trả lời những câu hỏi của ĐTV liên quan đến nghiệp vụ và kỹ thuật sử dụng phần mềm;

- Báo cáo với GSV cấp tỉnh về những vấn đề nghiệp vụ phát sinh hoặc những vấn đề kỹ thuật sử dụng phần mềm trong quá trình điều tra để thống nhất thực hiện.

b. Đối với GSV cấp tỉnh

- Kiểm tra tiến độ thực hiện điều tra hằng ngày của cấp huyện, ĐTV được phân công phụ trách.

- Kiểm tra chất lượng thông tin trên phiếu điều tra khi chương trình kiểm tra báo lỗi phiếu điều tra và thông báo tới GSV cấp huyện về những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh lại để hoàn thành phiếu;

- Thông báo cho GSV cấp huyện những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý; trả lời những câu hỏi của GSV cấp huyện liên quan đến nghiệp vụ và kỹ thuật sử dụng phần mềm.

- Báo cáo với GSV cấp trung ương về những vấn đề nghiệp vụ phát sinh hoặc những vấn đề kỹ thuật sử dụng phần mềm trong quá trình điều tra để thống nhất thực hiện tại địa phương.

c. Đối với GSV cấp trung ương

Thực hiện giám sát, kiểm tra với các nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra tiến độ thực hiện điều tra hằng ngày của các địa phương.

- Kiểm tra chất lượng thông tin trên phiếu điều tra khi chương trình kiểm tra báo lỗi phiếu điều tra và thông báo tới GSV cấp tỉnh về những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh lại để hoàn thành phiếu.

- Thông báo cho GSV cấp tỉnh những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý, trả lời những câu hỏi của GSV cấp tỉnh liên quan đến nghiệp vụ và kỹ thuật sử dụng phần mềm để thống nhất thực hiện trên toàn quốc.

4. Nghiệm thu và xử lý thông tin

a. Nghiệm thu phiếu điều tra

Quy trình nghiệm thu như sau:

(1) Cơ quan thống kê cấp tỉnh, cấp huyện kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra của tất cả các đơn vị điều tra được phân công trên Trang thông tin điện tử của cuộc điều tra.

(2) Cơ quan thống kê cấp trung ương kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra cấp tỉnh.

b. Xử lý thông tin

Tổng cục Thống kê chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu điều tra phục vụ tổng hợp và phân tích kết quả điều tra; thực hiện tính quyền số và tổng hợp kết quả đầu ra.

5. Tổ chức thực hiện

Tổng cục Thống kê chủ trì chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện xây dựng phương án điều tra; xây dựng chương trình phần mềm thu thập và xử lý thông tin; tổng hợp kết quả điều tra

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra Vốn đầu tư thực hiện do Ngân sách nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia, Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính quy định về việc sửa đổi, bổ sung khoản 9, Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Tổng cục Thống kê có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định của văn bản hiện hành.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc Điều tra vốn đầu tư thực hiện theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Tổng cục và các chế độ tài chính hiện hành.

Các điều kiện vật chất khác: Sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có của ngành Thống kê./.

DANH MỤC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG

STT	Mã số	Tên đơn vị
1	101	Văn phòng Trung ương Đảng
2	102	Văn phòng Chủ tịch nước
3	103	Văn phòng Chính phủ
4	104	Văn phòng Quốc hội
5	105	Toà án nhân dân tối cao
6	106	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
7	107	Thanh tra Chính phủ
8	108	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
9	109	Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
10	110	Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng
11	111	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
12	112	Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
13	113	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
14	114	Bộ Công an
15	115	Bộ Quốc phòng
16	116	Bộ Nội vụ
17	117	Bộ Ngoại giao
18	118	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	119	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
20	120	Bộ Tư pháp
21	121	Bộ Công Thương
22	122	Bộ Khoa học và Công nghệ
23	123	Bộ Tài chính
24	124	Bộ Xây dựng
25	126	Bộ Giao thông - Vận tải
26	127	Bộ Giáo dục và Đào tạo
27	128	Bộ Y tế
28	129	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
29	130	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
30	131	Bộ Tài nguyên và Môi trường
31	132	Bộ Thông tin và Truyền thông
32	133	Tổng cục Thống kê
33	134	Tổng cục Thuế
34	135	Tổng cục Hải quan
35	136	Tổng cục Dự trữ Nhà nước
36	137	Tổng cục Thi hành án

37	138	Kho bạc Nhà nước
38	139	Kiểm toán Nhà nước
39	140	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
40	141	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
41	142	Đài Tiếng nói Việt Nam
42	143	Đài Truyền hình Việt Nam
43	144	Thông tấn xã Việt Nam
44	145	Ủy ban Dân tộc
45	146	Ủy ban sông Mê Kông
46	147	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
47	148	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
48	149	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
49	150	Đại học Quốc gia Hà Nội
50	151	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
51	152	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh
52	153	Ban Chỉ đạo quốc gia công nghệ thông tin
53	154	Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp
54	155	Ban Quản lý Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam
55	156	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hoà Lạc
56	157	Hội đồng Liên minh các hợp tác xã Việt Nam
57	158	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam
58	159	Liên hiệp các tổ chức hoà bình và hữu nghị
59	160	Liên hiệp (Ủy ban toàn quốc liên hiệp) các hội văn học nghệ thuật Việt Nam
60	161	Tổng hội Y học Việt Nam
61	162	Hội Nông dân Việt Nam
62	163	Hội Cựu chiến binh Việt Nam
63	164	Hội Nhà văn Việt Nam
64	165	Hội Nhà báo Việt Nam
65	166	Hội Luật gia Việt Nam
66	167	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
67	168	Hội Sinh viên Việt Nam
68	169	Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam
69	170	Hội Nhạc sĩ Việt Nam
70	171	Hội Điện ảnh Việt Nam
71	172	Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam
72	173	Hội Kiến trúc sư Việt Nam
73	174	Hội Mỹ thuật Việt Nam
74	175	Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam

75	176	Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam
76	177	Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam
77	178	Hội Người cao tuổi Việt Nam
78	179	Hội Người mù Việt Nam
79	180	Hội Đông y Việt Nam
80	181	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam
81	182	Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam
82	183	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam
83	184	Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam
84	185	Hội Khuyến học Việt Nam
85	199	Các đơn vị khác